TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2022
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh, bà Ngô Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Bùi Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377 /2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:202/2022/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giáp Thị Th, sinh năm 1989.

ĐKHK: Thôn Th n, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang.(Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Giáp Thị Th trình bày:*** Chị và anh H đăng ký kết hôn ngày 25/08/2017 tại Ủy ban xã D, huyện C. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Sau khi đăng ký kết hôn thì chung sống tại xã D. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn vào năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng hay cãi nhau, nay xác định không thể về chung sống vì nhiều lý do

vợ chồng ly thân từ tháng 03/2022 đến nay. Nay xác định không còn tình cảm chị xin ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Vợ cH có 01 con chung Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018. Hiện nay con đang ở với chị, chị đang ở cùng với bố mẹ, chị đi làm công nhân, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/ tháng, ngoài ra chị còn đi làm thêm. Vợ chồng ly hôn chị xin nuôi con chung của vợ chồng, chị có đủ điều kiện nuôi con chung. Hiện nay anh H đang nuôi 01 con riêng với vợ trước, ngoài ra anh H mới có con với một phụ nữ khác, anh H hiện nay đi làm âm thanh, ánh sáng, thường đi làm xa, từ khi mẹ con chị về nhà bố mẹ chị ở anh H không cấp dưỡng nuôi con cho chị, anh H không có đủ điều kiện để nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, hiện chị không xác định được thu nhập của anh H, chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị 1.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi..

3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thái H trình bày**: Anh và chị Th có đăng ký kết hôn ngày 25/08/2017 tại Ủy ban xã D, huyện C. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương.Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau. Vợ chồng sống ly thân, nay xác định không còn tình cảm, chị Th làm đơn xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018. Hiện nay con đang ở với chị Th. Nay vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con chung vì anh xác định chị Th không có đủ điều kiện nuôi con, chị Th có thu nhập thấp, hiện phải về ở nhờ nhà bố mẹ và anh trai. Anh hiện nay thành lập Công ty, công việc, thu nhập ổn định khoảng 20 triệu đồng/ tháng, anh có nhà riêng, anh có đủ điều kiện để nuôi con tốt hơn cô Th.

Về cấp dưỡng nuôi con nếu được nuôi con anh không yêu cầu cô Th phải cấp dưỡng nuôi con cho anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án có xác minh tại địa phương thì được cung cấp thông tin: Chị Th và anh H có đăng ký kết hôn vào năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã D, quá trình chung sống vợ chồng chị Th, anh H có mâu thuẫn không thì địa phương không nắm được, khoảng gần 01 năm nay chị Th và con

trai đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Việc xin ly hôn của chị Th, anh H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án có tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị xin được ly hôn với anh H, về con chung chị xin được nuôi con, từ khi vợ chồng ly thân anh H không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con cho chị. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đồng/ tháng kể từ tháng 01 năm 2023.Về tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh H có ý kiến xin vắng mặt tại phiên toà.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị Th

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th là 1.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 01/2023 .

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết

Về án phí: Chị Giáp Thị Th chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đơn khởi kiện của chị Giáp Thị Th cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh H có hộ khẩu và đang sinh sống tại xã D, huyện C, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C là phù hợp với quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự..

[3].Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng; trong quá trình giải quyết vụ án anh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4].Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Th và anh Nguyễn Thái H đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/08/2017 tại Ủy ban xã D, huyện Lạng Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân thì thấy: Lời khai của chị Th trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chị Th đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn tình cảm gì với nhau; Anh H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân, phù hợp với biên bản xác minh tại địa phương về việc vợ chồng đã sống ly thân, chị Th có đơn xin ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị Th. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian sống chung vợ chồng chị Th, anh H không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị Giáp Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

[5] .Về con chung: Vợ cH có 01 con chung là Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018.Vợ chồng ly hôn, chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu K, anh H có nguyện vọng được nuôi con. Đối với yêu cầu nuôi con của chị Th, anh H thì thấy: Hiện nay cháu K đang ở với chị Th, cháu vẫn còn nhỏ cần được mẹ chăm sóc nhiều hơn, chị Th có công việc ổn định, có thu nhập, từ khi vợ chồng ly thân chị Th là người trực tiếp chăm sóc con, anh H hiện có việc làm, có thu nhập tuy nhiên anh H thường đi làm xa, từ khi chị Th đưa con về nhà bố mẹ chăm sóc anh H không thăm nom, cấp dưỡng nuôi con cho chị Th. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định " *Trường hợp vợ chồng không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con "* nên để đảm bảo cho cháu K có điều kiện được chăm sóc tốt cần giao cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018 là phù hợp.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị anh H thực hiện quyền này.

Anh H có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/ tháng thì thấy: Anh H hiện nay có việc làm có thu nhập, theo quy định tại Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình thì bố mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con, chị Th là người nuôi con nên anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th, về mức cấp dưỡng 1.000.000đồng, anh H có trình bày thu nhập hàng tháng của anh H từ 10 triệu 20 triệu đồng, chị Th yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/ tháng cho chị Th nuôi con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2023.

[6]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Giáp Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1 . Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2 . Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Duy K, sinh 12/01/2018.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh H thực hiện quyền này.

Anh H, chị Th có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Th là 1.000.000đồng/ tháng, kể từ tháng 01/2023.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3 . Về án phí: Chị GiápThị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013161 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị Th đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thái H phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4 . Về quyền kháng cáo: Chị Th mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà